

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ
PHÚ YÊN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Định	Thành viên
Ông Hoàng Đình Tùng	Thành viên
Bà Mai Bích Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)
Ông Trương Văn Ba	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014

Số: 633 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2014 từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0145-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1529-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		165.438.126.616	436.416.975.844
I. Tiền	110	5	592.972.731	1.202.482.353
1. Tiền	111		592.972.731	1.202.482.353
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	164.829.263.474
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	164.829.263.474
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.151.530.021	117.342.347.811
1. Phải thu khách hàng	131		56.639.215.026	48.640.179.726
2. Trả trước cho người bán	132		268.375.000	1.267.208.510
3. Các khoản phải thu khác	135	7	60.618.202.041	67.636.765.631
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.374.262.046)	(201.806.056)
IV. Hàng tồn kho	140	8	72.923.861.197	142.511.330.309
1. Hàng tồn kho	141		72.923.861.197	146.761.330.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.250.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.769.762.667	10.531.551.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.123.611.676	3.841.577.564
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.489.974.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		28.150.991	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		618.000.000	200.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		38.167.303.289	28.232.303.752
I. Tài sản cố định	220		24.081.053.702	12.316.538.197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.457.818.002	11.828.737.154
- Nguyên giá	222		59.971.078.335	51.265.299.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.513.260.333)	(39.436.562.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.226.869.000	-
- Nguyên giá	228		6.226.869.000	27.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(27.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		396.366.700	487.801.043
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.360.000.000	9.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	9.360.000.000	9.360.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.726.249.587	6.555.765.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.726.249.587	6.555.765.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		203.605.429.905	464.649.279.596

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		110.706.669.636	363.667.635.211
I. Nợ ngắn hạn	310		110.706.669.636	363.667.635.211
1. Vay ngắn hạn	311	13	50.000.000.000	212.791.241.184
2. Phải trả người bán	312		43.557.192.924	139.340.077.769
3. Người mua trả tiền trước	313		319.469.980	325.617.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	13.793.532.902	8.769.864.587
5. Phải trả người lao động	315		1.848.170.837	1.379.910.990
6. Chi phí phải trả	316		373.811.598	1.800.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		447.442.549	287.177.429
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		367.048.846	771.946.227
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		92.898.760.269	100.981.644.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	92.898.760.269	100.981.644.385
1. Vốn cổ phần	411		82.400.000.000	82.400.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.553.768.908	3.553.768.908
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.742.528.666	3.553.768.908
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.202.462.695	11.474.106.569
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		203.605.429.905	464.649.279.596

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND		132.044.134.241	124.748.014.825


 Nguyễn Thị Hồng Phương
 Người lập biểu


 Trần Văn Hay
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Thái Định
 Giám đốc


Ngày 05 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	3.046.032.333.918	2.298.461.834.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	97.932.680.500	85.159.179.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.948.099.653.418	2.213.302.655.010
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.865.256.172.888	2.173.134.058.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82.843.480.530	40.168.596.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	82.320.915	52.551.955.592
7. Chi phí tài chính	22	22	7.655.982.166	43.536.524.689
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.649.459.706	43.536.524.689
8. Chi phí bán hàng	24		31.457.004.467	25.758.725.286
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.071.507.182	12.821.783.770
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(1.258.692.370)	10.603.518.544
11. Thu nhập khác	31		7.676.695.858	9.559.162.557
12. Chi phí khác	32		1.110.800	195.528.878
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	7.675.585.058	9.363.633.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.416.892.688	19.967.152.223
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.641.697.530	5.318.279.037
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.775.195.158	14.648.873.186
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	458	1.778


 Nguyễn Thị Hồng Phương
 Người lập biểu


 Trần Văn Hay
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thái Định
 Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	2013	2012
		minh		
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>6.416.892.688</i>	<i>19.967.152.223</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.094.881.969	3.639.694.774
Các khoản dự phòng	03		25.922.455.990	4.451.806.056
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(82.320.915)	(52.547.202.574)
Chi phí lãi vay	06		7.649.459.706	43.536.524.689
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>44.001.369.438</i>	<i>19.047.975.168</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09		(2.489.532.059)	(38.468.480.506)
Thay đổi hàng tồn kho	10		89.895.231.339	(130.497.389.452)
Thay đổi các khoản phải trả	11		(5.379.255.334)	126.711.352.779
Thay đổi chi phí trả trước	12		1.813.667.836	373.377.379
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.546.126.373)	(45.348.978.005)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.900.835.917)	(7.196.104.022)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.785.719.733
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.351.676.655)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>117.042.842.275</i>	<i>(73.592.526.926)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21		(16.122.201.602)	(1.446.234.692)
2. Tiền chi cho vay	23		-	(99.199.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24		69.756.845.265	199.483.255.278
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.590.214.774	923.401.082
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>56.224.858.437</i>	<i>99.761.421.668</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		989.222.968.500	2.008.934.525.778
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.152.014.209.684)	(2.027.701.293.513)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36		(11.085.969.150)	(20.237.750.014)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(173.877.210.334)</i>	<i>(39.004.517.749)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(609.509.622)	(12.835.623.007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.202.482.353	14.041.997.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(3.892.106)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		592.972.731	1.202.482.353

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác trong năm không bao gồm 298.001.150 VND (năm 2012 là 301.383.002 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 60.604.952.041 VND (năm 2012 là 67.631.765.631 VND), là số tiền cho Công ty Cổ phần Điều Phú Yên vay mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không bao gồm 38.030.850 VND (năm 2012 là 0 VND), là số cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty trong năm mà chưa được chi trả trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Hồng Phương
Người lập biểu



Trần Văn Hay
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên. Sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên đã thông qua phương án tách Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên thành hai đơn vị riêng biệt: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên và Công ty Cổ phần Điều Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên nguyên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400114094 ngày 25 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 133 (31 tháng 12 năm 2012: 132).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu; mua bán nông lâm thủy sản; mua bán khí đốt; vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng); sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu; xuất khẩu: hàng nông, lâm, thủy sản; nhập khẩu: xăng, dầu, vật tư, dầu nhờn, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng.

Hoạt động chính của Công ty là bán lẻ, bán buôn xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)****Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí dịch vụ thuê ngoài nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với tài sản cố định nhận bàn giao khi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chi phí khấu hao bằng giá trị còn lại của tài sản theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chia số năm khấu hao còn lại tại ngày này. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình cụ thể như sau:

	2013
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đều trong vòng ba (3) năm, bắt đầu từ năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (năm 2010). Từ tháng 8 năm 2011, giá trị còn lại chờ phân bổ tại ngày 31 tháng 7 năm 2011 được phân bổ đều trong vòng năm (5) năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	415.086.222	1.149.646.072
Tiền gửi ngân hàng	177.886.509	52.836.281
	<u>592.972.731</u>	<u>1.202.482.353</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay để hỗ trợ Công ty Cổ phần Điều Phú Yên (đây là Công ty liên kết với Tổng Công ty Dầu Việt Nam) trong việc chi trả lương, trả lãi vay, nợ đến hạn và chi thường xuyên khác theo Nghị quyết số 04/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên ngày 24 tháng 9 năm 2011. Lãi suất tiền vay trong kỳ từ 8,5%/năm đến 18,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc và lãi vay không quá ngày 30 tháng 6 năm 2012. Theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 11 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty, thời gian vay được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được khoản tiền cho vay này nhưng chưa thu được lãi cho vay tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Các khoản phải thu khác thể hiện chủ yếu khoản lãi tiền cho vay phải thu từ Công ty Cổ Phần Điều Phú Yên. Như trình bày tại thuyết minh số 6, khoản cho vay này được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu hồi được lãi cho vay và Công ty đã lập dự phòng 50% theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	326.667.629	336.086.366
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.951.161.000	-
Thành phẩm	41.629.259.263	-
Hàng hoá - Xăng dầu	17.594.284.894	146.425.243.943
Hàng hoá - Nhân hạt điều	53.185.990	-
Hàng gửi đi bán	7.369.302.421	-
Cộng	<u>72.923.861.197</u>	<u>146.761.330.309</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.250.000.000)
	<u>72.923.861.197</u>	<u>142.511.330.309</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, hàng tồn kho nhân hạt điều xuất khẩu và sản phẩm dở dang với giá trị là 47.633.606.251 VND (31 tháng 12 năm 2012 là 84.439.551.097 VND) đang được Công ty Cổ phần Điều Phú Yên giữ hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	34.539.300.448	1.567.934.629	14.857.502.962	300.561.211	51.265.299.250
Mua sắm mới	3.034.763.287	3.759.899.727	-	-	6.794.663.014
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.128.758.511	66.727.272	-	-	3.195.485.783
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC	(282.458.370)	(744.011.949)	-	(257.899.393)	(1.284.369.712)
Tại ngày 31/12/2013	<u>40.420.363.876</u>	<u>4.650.549.679</u>	<u>14.857.502.962</u>	<u>42.661.818</u>	<u>59.971.078.335</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	28.625.585.916	1.278.765.830	9.311.531.997	220.678.353	39.436.562.096
Khấu hao trong năm	2.428.151.886	392.570.451	1.252.690.944	21.468.688	4.094.881.969
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC	(254.261.142)	(557.919.582)	-	(206.003.008)	(1.018.183.732)
Tại ngày 31/12/2013	<u>30.799.476.660</u>	<u>1.113.416.699</u>	<u>10.564.222.941</u>	<u>36.144.033</u>	<u>42.513.260.333</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>9.620.887.216</u></u>	<u><u>3.537.132.980</u></u>	<u><u>4.293.280.021</u></u>	<u><u>6.517.785</u></u>	<u><u>17.457.818.002</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>5.913.714.532</u></u>	<u><u>289.168.799</u></u>	<u><u>5.545.970.965</u></u>	<u><u>79.882.858</u></u>	<u><u>11.828.737.154</u></u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 713.922.680 VND (31 tháng 12 năm 2012: 531.084.498 VND).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa và quyền sử dụng đất tại huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào Công ty liên kết thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên với tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết là 39%.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh		
Tại ngày 01 tháng 01	6.555.765.555	8.385.281.523
Phân bổ trong năm	<u>(1.829.515.968)</u>	<u>(1.829.515.968)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u><u>4.726.249.587</u></u>	<u><u>6.555.765.555</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	-	132.531.241.184
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	50.000.000.000	80.260.000.000
	<u>50.000.000.000</u>	<u>212.791.241.184</u>

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND và thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 6,2%/năm. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.995.581.130	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.358.106.572	617.244.959
Thuế thu nhập cá nhân	-	96.735.583
Thuế bảo vệ môi trường	9.439.845.200	8.042.168.500
Các loại thuế khác	-	13.715.545
	<u>13.793.532.902</u>	<u>8.769.864.587</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Tại ngày 01/01/2013 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.379.854.360	4.384.273.230	2.995.581.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	617.244.959	2.641.697.530	1.900.835.917	1.358.106.572
Thuế thu nhập cá nhân	96.735.583	433.739.280	558.625.854	(28.150.991)
Thuế bảo vệ môi trường	8.042.168.500	97.932.680.500	96.535.003.800	9.439.845.200
Các loại thuế khác	13.715.545	1.530.540.618	1.544.256.163	-
Tổng	<u>8.769.864.587</u>	<u>109.918.512.288</u>	<u>104.922.994.964</u>	<u>13.765.381.911</u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-			28.150.991
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.769.864.587			13.793.532.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	82.400.000.000	3.892.106	2.821.325.249	2.821.325.249	141.951.679	88.188.494.283
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá trong năm	-	(3.892.106)	-	-	-	(3.892.106)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.648.873.186	14.648.873.186
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	732.443.659	732.443.659	(3.174.718.296)	(1.709.830.978)
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(142.000.000)	(142.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	82.400.000.000	-	3.553.768.908	3.553.768.908	11.474.106.569	100.981.644.385
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.775.195.158	3.775.195.158
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	188.759.758	-	(566.279.274)	(377.519.516)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.124.000.000)	(11.124.000.000)
Trích thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(151.259.758)	(151.259.758)
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(205.300.000)	(205.300.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	82.400.000.000	-	3.742.528.666	3.553.768.908	3.202.462.695	92.898.760.269

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 141/XDDKPY-NQĐHĐCĐ2013 ngày 13 tháng 5 năm 2013 với số tiền lần lượt là 188.759.758 VND, 377.519.516 VND, 151.259.758 VND, 205.300.000 VND.

Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn cổ phần**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			31/12/2013	31/12/2012
	Số cổ phiếu	%	VND	VND
Tổng Công Ty Dầu Việt Nam	5.531.360	67	55.313.600.000	55.313.600.000
Ông Đỗ Tiến Cường	728.710	9	7.287.100.000	-
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Sài Gòn Hà Nội	514.037	6	5.140.370.000	5.140.370.000
Bà Lê Thị Liên	512.510	6	5.125.100.000	-
Các cổ đông khác	953.383	12	9.533.830.000	21.946.030.000
	8.240.000	100	82.400.000.000	82.400.000.000

16. CỔ TỨC

Trong năm, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2012 với số tiền 11.124.000.000 VND tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13 tháng 5 năm 2013. Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức nêu trong năm 2013 với số tiền là 11.085.969.150 VND.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù, trong năm nay Công ty có tiến hành kinh doanh mặt hàng nhân hạt điều, nhưng tỷ lệ doanh thu từ mặt hàng này không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.637.798.414.960	2.280.192.765.647
Doanh thu bán hạt điều	403.097.478.279	12.503.731.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ, nội bộ	5.136.440.679	5.765.336.647
	3.046.032.333.918	2.298.461.834.110
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế bảo vệ môi trường	(97.932.680.500)	(85.159.179.100)
	2.948.099.653.418	2.213.302.655.010

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.466.085.587.958	2.155.593.963.231
Giá vốn bán hạt điều	399.170.584.930	17.540.095.082
	<u>2.865.256.172.888</u>	<u>2.173.134.058.313</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.938.666.950	2.324.339.158
Chi phí nhân công	17.468.263.021	15.726.159.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.094.881.969	3.639.694.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.599.847.235	17.377.120.866
Chi phí khác bằng tiền	38.149.299.578	4.239.913.847
	<u>347.250.958.753</u>	<u>43.307.228.293</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	250.214.774	127.801.082
Lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	3.511.739.888	51.623.801.492
Điều chỉnh lãi đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	(6.055.326.397)	-
Cổ tức được chia	2.340.000.000	795.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.692.650	4.753.018
	<u>82.320.915</u>	<u>52.551.955.592</u>

(i) Theo công văn số 248/XDDKPY ngày 31 tháng 7 năm 2013, nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Điều Phú Yên, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên đã quyết định điều chỉnh lãi vay từ lãi suất có kỳ hạn sang lãi suất không kỳ hạn của năm 2012 trong năm 2013 với tổng số tiền lãi được giảm là 6.055.326.397 VND.

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.649.459.706	36.785.022.425
Lãi trả chậm	-	6.751.502.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.522.460	-
	<u>7.655.982.166</u>	<u>43.536.524.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	7.432.307.118	9.412.598.686
Thu nhập từ tiền phạt hợp đồng	122.809.234	-
Thu nhập khác	121.579.506	146.563.871
	7.676.695.858	9.559.162.557
Chi phí khác	1.110.800	195.528.878
	1.110.800	195.528.878
Lợi nhuận khác	7.675.585.058	9.363.633.679

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.416.892.688	19.967.152.223
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.739.000.000)	(795.600.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.451.578.773	2.101.563.925
Thu nhập chịu thuế	6.129.471.461	21.273.116.148
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm	1.532.367.865	5.318.279.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai bổ sung của năm trước	1.109.329.665	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.641.697.530	5.318.279.037

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được báo cáo kiểm toán nhà nước cho năm 2012. Theo đó, Công ty được yêu cầu phải nộp bổ sung một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.109.329.665 VND.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị mang sang của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.775.195.158	14.648.873.186
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.775.195.158	14.648.873.186
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	8.240.000	8.240.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>458</u>	<u>1.778</u>

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.201.650.343</u>	<u>529.285.156</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.068.845.800	558.152.376
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.307.258.639	1.358.035.554
Sau năm năm	2.199.261.677	520.377.160
	<u>6.575.366.116</u>	<u>2.436.565.090</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê đất ở các cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Phú Yên từ ngày 01 tháng 12 năm 2006 đến ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Tiền thuê văn phòng tại số 307 Nguyễn Huệ, thành Phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên từ ngày 24 tháng 4 năm 2012 đến ngày 24 tháng 4 năm 2015 với đơn giá thuê 8.000.000 VND/tháng.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	50.000.000.000	212.791.241.184
Trừ: Tiền	(592.972.731)	(1.202.482.353)
Nợ thuần	49.407.027.269	211.588.758.831
Vốn chủ sở hữu	<u>92.898.760.269</u>	<u>100.981.644.385</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>53%</u>	<u>210%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	592.972.731	1.202.482.353
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	164.829.263.474
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.883.155.021	116.075.139.301
Tài sản tài chính khác	618.000.000	200.000.000
Tổng cộng	<u>88.094.127.752</u>	<u>282.306.885.128</u>
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	50.000.000.000	212.791.241.184
Phải trả người bán và phải trả khác	44.004.635.473	139.627.255.198
Chi phí phải trả	373.811.598	1.800.000
Tổng cộng	<u>94.378.447.071</u>	<u>352.420.296.382</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa (xăng dầu và nhân hạt điều) từ các nhà cung cấp trong nước và công ty mẹ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa (xăng dầu và nhân hạt điều).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u> VND
31/12/2013	
Tiền	592.972.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.883.155.021
Tài sản tài chính khác	618.000.000
Tổng cộng	<u>88.094.127.752</u>
31/12/2013	
Vay ngắn hạn	50.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	44.004.635.473
Chi phí phải trả	373.811.598
Tổng cộng	<u>94.378.447.071</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(6.284.319.319)</u>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND
31/12/2012	
Tiền	1.202.482.353
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.829.263.474
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.075.139.301
Tài sản tài chính khác	200.000.000
Tổng cộng	<u>282.306.885.128</u>
31/12/2012	
Vay ngắn hạn	212.791.241.184
Phải trả người bán và phải trả khác	139.627.255.198
Chi phí phải trả	1.800.000
Tổng cộng	<u>352.420.296.382</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(70.113.411.254)</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức độ vừa phải. Mặc dù có sự thiếu hụt vốn lưu động nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn vì các khoản phải trả phát sinh từ các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 28.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Bình Thuận	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Công ty liên kết với công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	Chi nhánh công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Công ty liên kết

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	<u>221.147.990</u>	<u>-</u>
Dịch vụ mua ngoài		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	<u>69.910.337.988</u>	<u>-</u>
Cần trừ công nợ		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	<u>95.072.418.209</u>	<u>97.729.647.179</u>
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	304.811.771.719	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.414.618.747.449</u>	<u>2.409.231.675.728</u>
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.533.652.927	4.361.610.382
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	534.523.273	773.188.333
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	372.522.712	444.821.898
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	113.063.262	209.431.281
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	<u>694.061.943</u>	<u>73.731.640</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	<u>-</u>	<u>99.199.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Cổ tức nhận được

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	2.340.000.000	795.600.000
---	---------------	-------------

Chia cổ tức

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	7.467.336.000	16.151.040.000
---------------------------	---------------	----------------

Lãi cho vay

Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	3.511.739.888	51.623.801.492
Điều chỉnh giảm lãi cho vay	(6.055.326.397)	-

Lãi vay trả chậm

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	6.751.502.264
---------------------------	---	---------------

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	1.553.050.397	1.743.273.715

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND

Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	7.578.494.600	12.503.731.816
------------------------------	---------------	----------------

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	60.604.952.041	67.631.765.631
------------------------------	----------------	----------------

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	164.829.263.474
------------------------------	---	-----------------

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	9.360.000.000	9.360.000.000
---	---------------	---------------

Phải trả người bán

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	39.509.065.096	138.042.218.797
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	2.673.956.471	6.910.880
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	26.276.584	40.553.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm 2012 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Cụ thể, việc phân loại được lập cho các khoản mục sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Số đã phân loại lại VND	Thay đổi Tăng VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.213.302.655.010	2.298.461.834.110	85.159.179.100
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	85.159.179.100	85.159.179.100



Nguyễn Thị Hồng Phương
Người lập biểu



Trần Văn Hay
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014

